

Bản án số: 29/2025/DS-ST

Ngày: 25-4-2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Minh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Chung

Ông Trịnh Sâm Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Bà Trần Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 452/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 541/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Công ty T1 (Việt Nam).

Địa chỉ trụ sở: Số I P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun H- Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Ông Trần La Ngọc H1 - Chức vụ Trưởng phòng Tổ tụng (Văn bản ủy quyền số 162/2024/QĐ-MAFC ngày 02/4/2024).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Công ty L1 (Văn bản ủy quyền số 09/2024/GUQ-MAFC ngày 02/5/2024).

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty L1:

+ Anh Võ Bá L, sinh năm 2002.

+ Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 2001.

+ Anh Trần Hải N, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Số B L, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 266/GUQ-2024 ngày 18/11/2024).

- Bị đơn: Chị Lê Thị H2, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Anh L, anh T, anh N, chị H2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25/7/2024 và quá trình tố tụng tại Tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty T1 (viết tắt là Công ty T1) do anh Võ

Bá L trình bày:

Ngày 19/3/2022, Công ty T1 (VIỆT NAM) ký Hợp đồng tín dụng số: 2982564 về việc cấp tín dụng cho chị Lê Thị H2 với khoản vay trị giá 31.980.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi một triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó bao gồm: 30.000.000 đồng tiền vay và 1.980.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân; hình thức vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm. Lãi suất vay: 45%/năm. Thời hạn vay là 36 tháng tính từ ngày 15/4/2022 đến ngày 15/3/2025.

Sau khi ký kết, vào ngày 22/3/2022 Công ty T1 đã tiến hành giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho chị Lê Thị H2 với hình thức chuyển khoản qua số tài khoản ngân hàng mà chị Lê Thị H2 đã cung cấp. Qua đó, chị Lê Thị H2 có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền hàng tháng cho phía Công ty T1 theo đúng thỏa thuận đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng trên vào ngày 15 hàng tháng.

Tuy nhiên, từ ngày 16/07/2023, chị H2 đã ngừng thanh toán khoản vay cho phía Công ty T1 mặc dù phía Công ty đã nhiều lần nhắc nhở cũng như gọi điện liên hệ đề nghị chị H2 thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng không nhận được bất kỳ phản hồi tích cực nào từ phía chị H2 về việc thanh toán khoản vay đã quá hạn trên. Tính đến thời điểm hiện tại, chị H2 chỉ thanh toán được 16 kỳ với tổng số tiền 26.361.552 đồng (hai mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi một nghìn năm trăm năm mươi hai đồng). Trong đó tiền gốc là 9.699.711 đồng; tiền lãi là 16.469.841 đồng; phí đã trả là 192.000 đồng.

Việc chị Lê Thị H2 cố tình trì hoãn việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo thỏa thuận trong "Hợp đồng tín dụng" đã trực tiếp ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T1.

Tính đến ngày 25/4/2025, chị Lê Thị H2 đã trễ hạn, không thanh toán các khoản tiền như sau:

- Số nợ gốc còn lại chưa thanh toán (số tiền gốc phải thanh toán): 22.280.289 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán (số tiền lãi chưa trả tính từ kỳ 17 đến kỳ 35, chi tiết tại bảng Báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng): 9.573.163 đồng.
- Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn ($150\% \times$ lãi suất năm $\times$ số tiền gốc phải trả mỗi kỳ $\times$ số ngày trễ hạn/365 ngày): 12.422.384 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán ($10\% \times$ số tiền lãi phải thanh toán mỗi kỳ $\times$ số ngày trễ hạn/365 ngày): 1.099.904 đồng.

Nay Công ty T1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Lê Thị H2 phải thanh toán toàn bộ khoản vay cho Công ty T1 (bao gồm dư nợ gốc còn lại của khoản vay, lãi, phí) tính đến ngày 25/4/2025 với tổng số tiền là 45.375.740 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn, bảy trăm bốn mươi đồng) và lãi phát sinh từ ngày 26/4/2025 theo Hợp đồng tín dụng 2982564 ngày 19/3/2022 được ký kết giữa Công ty T1 và chị Lê Thị H2 cho đến khi trả hết nợ.

- Bị đơn chị Lê Thị H2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác để đến tòa làm việc nhưng chị H2 đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai, ý kiến trình bày tại hồ sơ.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Lê Thị H2 không chấp hành pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T1. Buộc chị Lê Thị H2 phải trả cho Công ty T1 số tiền tổng cộng là 45.375.740 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn, bảy trăm bốn mươi đồng) và lãi phát sinh từ ngày 26/4/2025 theo Hợp đồng tín dụng 2982564 ngày 19/3/2022 được ký kết giữa Công ty T1 và chị Lê Thị H2 cho đến khi trả hết nợ.

Về án phí: Bị đơn chị Lê Thị H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty T1 khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn chị Lê Thị H2. Chị H2 đang cư trú tại huyện L, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án dân sự, quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn chị Lê Thị H2 đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa nhưng chị H2 vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của Công ty T1 yêu cầu chị Lê Thị H2 phải thanh toán tiền gốc và lãi cho công ty T2 đến hết ngày 25/4/2025, tổng cộng số tiền là 45.375.740 đồng, trong đó: Nợ gốc: 22.280.289 đồng; tiền lãi trong hạn: 9.573.163 đồng; tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn: 12.422.384 đồng; số tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán: 1.099.904 đồng;

Ngày 19/3/2022, chị Lê Thị H2 ký Hợp đồng tín dụng số: 2982564 với Công ty T1 để vay số tiền 31.980.000 đồng, trong đó bao gồm: 30.000.000 đồng tiền vay và 1.980.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân; Lãi suất vay: 45%/năm. Thời hạn vay là 36 tháng, chị H2 có nghĩa vụ phải thanh toán

vào ngày 15 hàng tháng. Tuy nhiên, từ khi vay cho đến nay chị H2 chỉ thanh toán được 16 kỳ với tổng số tiền 26.361.552 đồng (hai mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi một nghìn năm trăm năm mươi hai đồng). Trong đó tiền gốc là 9.699.711 đồng; tiền lãi là 16.469.841 đồng; phí đã trả là 192.000 đồng. Bắt đầu từ kỳ thứ 17 (16/7/2023) chị H2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T1.

Tính đến ngày 25/4/2025, chị H2 chưa thanh toán số tiền gốc là 22.280.289 đồng và tiền lãi trong hạn phải thanh toán tính từ kỳ 17 đến kỳ 35 là 9.573.163 đồng. Nay Công ty T1 yêu cầu chị H2 thanh toán khoản tiền gốc và lãi trong hạn như nêu trên là có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự, buộc chị H2 phải thanh toán cho Công ty T1 số tiền gốc là 22.280.289 đồng và tiền lãi trong hạn là 9.573.163 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu trả lãi suất quá hạn của Công ty T1:

Tại khoản 8.3, Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số 2982564, có quy định: “*Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ gốc và/ hoặc lãi theo thỏa thuận, thì ngoài việc trả lãi trên theo nợ gốc theo Lãi suất đã thỏa thuận thì Khách hàng còn phải chịu tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn và tiền chậm trả...*”, cụ thể:

- Tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn ($150\% \times \text{lãi suất năm} \times \text{số tiền gốc}$ phải trả mỗi kỳ $\times \text{số ngày trễ hạn}/365 \text{ ngày}$): 12.422.384 đồng.

- Tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán ($10\% \times \text{số tiền lãi}$ phải thanh toán mỗi kỳ $\times \text{số ngày trễ hạn}/365 \text{ ngày}$): 1.099.904 đồng.

Do đó, buộc chị H2 phải thanh toán cho Công ty T1 tiền lãi quá hạn là 12.422.384 đồng và tiền lãi chậm trả là 1.099.904 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T1:

- Buộc chị Lê Thị H2 phải thanh toán cho Công ty T1 tính đến hết ngày 25/4/2025 với tổng số tiền là 45.375.740 đồng, trong đó: Nợ gốc: 22.280.289 đồng; tiền lãi trong hạn: 9.573.163 đồng; tiền lãi quá hạn: 12.422.384 đồng; số tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn: 1.099.904 đồng.

- Chị Lê Thị H2 phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh tính từ ngày 26/4/2025 theo Hợp đồng tín dụng số 2982564 ngày 19/3/2022 được ký kết giữa Công ty T1 và chị Lê Thị H2 cho đến khi trả hết nợ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 được chấp nhận nên chị Lê Thị H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Hoàn trả cho Công ty T1 tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1.

Buộc chị Lê Thị H2 phải trả cho Công ty T1 tổng số tiền là 45.375.740 đồng (Bốn mươi lăm triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi đồng), trong đó: Nợ gốc: 22.280.289 đồng; tiền lãi trong hạn: 9.573.163 đồng; tiền lãi quá hạn: 12.422.384 đồng; tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn: 1.099.904 đồng.

Chị Lê Thị H2 phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh tính từ ngày 26/4/2025 theo Hợp đồng tín dụng số 2982564 ngày 19/3/2022 được ký kết giữa Công ty T1 và chị Lê Thị H2 cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị H2 phải chịu 2.268.787 đồng (hai triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm tám mươi bảy đồng).

Hoàn trả cho Công ty T1 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.658.000 đồng theo biên lai số 0016483 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Lưu.

Bùi Thị Minh Thảo

